

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28 tháng 7 năm 2017
V/v Ly hôn, trA chấp nuôi con

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Duyên;
2. Ông Quách Xuân Luyện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng A - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL - tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2017 về việc “Ly hôn, trA chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; nơi ĐKKHKT: Khu VK, thị trấn TN, huyện KX, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: A Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1981; nơi ĐKKHKT: Thôn N1, xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt: Chị H, vắng mặt A Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/4/2017 và quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và A Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở có tình hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam ngày 19/9/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn N1, xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam và đã có với nhau 01 con chung; vợ chồng cưới nhau được một thời gian ngắn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong cuộc sống A, chị bộc lộ quan điểm tính cách không hợp nhau, A Đ không quan tâm gì đến vợ, con dẫn đến vợ chồng thường

xuyên cãi vả làm tình cảm vợ chồng rạn nứt; đầu năm 2012, sau khi sinh con chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến cuối năm 2016 về nước nhưng không về nhà chồng mà bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại khu VK, thị trấn TN, huyện KX, tỉnh Thái Bình sinh sống, từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, Ủy ban nhân dân xã LC hòa giải để A, chị về đoàn tụ nhưng không đạt, mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và A Đ không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với A Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 29/5/2011. Hiện tại cháu Hải A đang sống cùng với A Đ, nếu ly hôn chị có quan điểm để cho A Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hải A, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Nếu A Đ không nuôi thì chị xin được nuôi cháu Hải A và không yêu cầu A Đ cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 14/4/2017 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn A Nguyễn Văn Đ trình bày: A và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam ngày 19/9/2010. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Đến tháng 03/2016 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại khu VK, thị trấn TN, huyện KX, tỉnh Thái Bình sinh sống cho đến nay, kể từ đó A và chị H sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay A xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm giữa A và chị H không còn, chị H làm đơn xin ly hôn A cũng N1 trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho A và chị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: A Đ xác định có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 29/5/2011. Cháu Hải A do A nuôi dưỡng từ năm 2012 cho đến nay, nếu vợ chồng ly hôn A xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hải A đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Chị H, A Đ tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ; ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị được ly hôn với A Nguyễn Văn Đ; về con chung: Chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 29/5/2011 cho A

Nguyễn Văn Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; các vấn đề khác chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, A Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia các phiên hòa giải, nhưng đều vắng mặt không có lý do.

* Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án của Tòa án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, việc thu thập tài liệu, chứng cứ và gửi các quyết định, thông báo cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, tuân thủ đúng thời hạn xét xử. Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, cụ thể vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp và các phiên tòa ngày 6/7/2017 và ngày 28/7/2017.

- Nội dung vụ án: Áp dụng Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và A Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 29/5/2011 cho A Nguyễn Văn Đ chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Hải A trưởng thành. Chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con cho A Đ mỗi tháng 2.000.000đ.

3. Về tài sản, công nợ, ruộng cây, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn. Do các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí sơ thẩm, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TL giải quyết việc ly hôn với A Nguyễn Văn Đ. Theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL theo trình tự sơ thẩm.

- Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và A Nguyễn Văn Đ là hoàn toàn tự nguyện, thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy: Chị H và A Nguyễn Văn Đ kết hôn, chung sống với nhau được vài năm đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống tình cảm vợ chồng không có hạnh phúc, khi chị H đi lao động tại Đài Loan bốn năm giữa chị H và A Đ cũng không còn quan hệ tình cảm, đến năm 2016 trở về Việt Nam chị H không sinh sống với chồng con mà chuyển về sống với bố mẹ đẻ, vì chị cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được, bản thân A Đ cũng đã cố gắng tìm gặp, động viên để vợ chồng đoàn tụ nhưng đều không có kết quả. Trong quá trình giải quyết vụ án A Đ có bản tự khai trình bày mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nên A cũng N1 trí ly hôn với chị H. Tòa án đã triệu tập các đương sự để hòa giải nhưng A Đ đều vắng mặt không lý do, không hợp tác để giải quyết vụ án, điều đó thể hiện A Đ cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích về quyền và nghĩa vụ nhưng chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; xét thấy yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, sự thuận tình ly hôn của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

- Về con chung: Chị H, A Đ đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 29/5/2011. Chị H đề nghị Tòa án giao cháu Hải A cho A Đ nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, A Đ có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con chung. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân 2012 cho đến nay cháu Hải A do A Đ chăm sóc nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu ổn định, các đương sự cũng có quan điểm thống nhất không có tranh chấp gì. Vì vậy việc giao cháu Hải A cho A Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, quá trình giải quyết vụ án A Nguyễn Văn Đ không yêu cầu. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho A Đ mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, đồng thời để đảm bảo quyền lợi của cháu Hải A, nên đề nghị cấp dưỡng nuôi con của chị H được Tòa án chấp nhận.

- Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 144; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và A Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 29/5/2011 cho A Nguyễn Văn Đ chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Hải A trưởng thành. Chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con cho A Đ mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), kể từ tháng 8/2017 đến khi cháu Hải A đủ 18 tuổi.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Được đối trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 04181 ngày 12/4/2017. Chị H phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. A Nguyễn Văn Đ vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện TL;
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND xã LC;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy